

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Thông tư số 49/2025/TT-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 2 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 11/2026/TT-NHNN ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng¹.

¹ Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, bao gồm:

a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;

b) Thời hạn hoạt động;

c) Mức vốn điều lệ;

d) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua, bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn;

đ) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng;

e) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ngoài các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản này.

2. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép về nội dung hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gồm công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại Thông tư này.

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng”

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, cấp có thẩm quyền quyết định là cấp quyết định những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Các tổ chức tín dụng), quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, trừ những nội dung quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.

2.² Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:

- a) Thay đổi tên;
- b) Tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn;
- c) Tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần, trừ trường hợp tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- d) Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn.

3.³ Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:

- a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;
- b) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- c) Việc tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

Điều 5. Nguyên tắc lập, gửi và trả kết quả hồ sơ

1. Hồ sơ phải được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Văn bản đề nghị do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng được gửi tới Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực bằng một trong những hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Thông tư này).

Khi nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF). Trường hợp hệ thống Cổng Dịch vụ công Quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

5. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được gửi cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng bằng bản điện tử thông qua phương thức trực tuyến; trường hợp tổ chức tín dụng phi ngân hàng có đề nghị, kết quả được gửi bằng bản giấy thông qua dịch vụ bưu chính hoặc được trả trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

Chương II

HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHỮNG THAY ĐỔI VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

Điều 6. Thay đổi tên

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

- Tên hiện tại;

- Tên dự kiến thay đổi đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về đặt tên;

- Lý do thay đổi tên;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi tên.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 7. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính⁴

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

- Địa điểm hiện tại;

- Địa điểm dự kiến chuyển đến;

- Lý do thay đổi;

- Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới;

- Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 34 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đó có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung thông tin về mã Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không cần nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính không khai thác được thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính đề nghị tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

2. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, ảnh hưởng của việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính đối với hoạt động hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn; các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính quy định tại khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính có văn bản tham gia ý kiến gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

3. Tối thiểu 21 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

5. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 8. Thay đổi thời hạn hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

- Thời hạn hoạt động hiện tại;
- Thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi;
- Lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

b)⁵ Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá kết quả hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính (cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh);

(ii) Dự kiến mục tiêu, chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh 03 năm tiếp theo;

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động;

d) Trường hợp thay đổi thời hạn hoạt động ngoài trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ quy định tại điểm a, b, c khoản này và tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc thay đổi thời hạn hoạt động.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 06 tháng trước ngày Giấy phép hết thời hạn, tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b)⁶ Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 9. Tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ;

⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

⁶ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 35 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

- (ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;
- (iii) Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm, nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ;
- (iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;
- (v) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh trong 03 năm liền kề sau khi tăng vốn điều lệ; dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh;
- (vi) Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô vốn điều lệ mới;

c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ đến điều kiện tăng vốn (trong trường hợp tại báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có ý kiến ngoại trừ);

d) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm, ngoài các hồ sơ quy định tại điểm a, b, c khoản này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của chủ sở hữu, thành viên góp vốn để cấp, góp thêm;

(ii)⁷ Văn bản của một ngân hàng thương mại Việt Nam, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác nhận số tiền góp vốn của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm hoặc từ vốn góp của thành viên góp vốn mới;

(iii)⁸ Báo cáo tài chính của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp chủ sở hữu, thành viên góp vốn là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

⁸ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

đ) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do thành viên góp vốn mới góp vốn, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, d (i), d(ii) khoản này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan;

e) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c khoản này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập; thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b)⁹ Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 10. Tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ số, ngày văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần;

b) Phương án tăng vốn điều lệ đã được cấp có thẩm quyền quyết định thông qua, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

(i) Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;

⁹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 35 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

(iii) Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm, nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ; các thông tin về các đợt dự kiến phát hành trong năm; phương án phát hành cho từng đợt. Trường hợp tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, phương án tăng vốn điều lệ phải bao gồm các nội dung sau đây:

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành, các đợt phát hành, kỳ hạn trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;

- Tổng giá trị trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu, tổng giá trị trái phiếu đề nghị được chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm chuyển đổi;

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

(v) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh trong năm liền kề sau khi tăng vốn điều lệ; dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh;

(vi) Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô mức vốn điều lệ mới;

c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ đến điều kiện tăng vốn (trong trường hợp tại báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có ý kiến ngoại trừ);

d)¹⁰ Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 10% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

¹⁰ Tiêu đề tại điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với số cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi);

đ) Báo cáo tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân, tổ chức nước ngoài) hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Các hồ sơ quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này;

b) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó phải có nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng.

c) Bảng kê khai người có liên quan của cá nhân, tổ chức dự kiến là cổ đông lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục đính kèm Thông tư này;

d) Bảng kê khai số thuế đã nộp của cá nhân, tổ chức dự kiến là cổ đông lớn trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của tổ chức, cá nhân dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) dự kiến tham gia mua, nhận chuyển nhượng cổ phần để tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng;

e) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn (trừ tổ chức Việt Nam);

g)¹¹ Báo cáo tài chính của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tổ chức dự kiến là cổ đông lớn là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường

¹¹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

3. Sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ, gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Báo cáo cơ cấu cổ đông sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp tăng vốn điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp kèm văn bản của ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu;

d) Trường hợp tăng vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp kèm văn bản của ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán chứng khoán; báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán; văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được trong đợt chào bán chứng khoán.

4. Thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trình Thống đốc xem xét, quyết định có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại khoản 1 Điều này;

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ đương nhiên hết hiệu lực;

đ) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc tăng vốn điều lệ, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này;

e) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu, thành viên góp vốn

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là thành viên góp vốn hiện tại của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của bên bán, bên mua, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng;

- Tỷ lệ chuyển nhượng phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn góp của các thành viên góp vốn, thành viên góp vốn và người có liên quan trước và sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

- Thời điểm dự kiến thực hiện mua bán, chuyển nhượng;

- Lý do mua bán, chuyển nhượng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

d) Văn bản thỏa thuận, cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng với bên mua, bên nhận chuyển nhượng;

đ) Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

e)¹² Báo cáo tài chính của bên mua, bên nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp

¹² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là thành viên góp vốn mới gồm:

a) Các hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ của thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu mới gồm:

a) Các hồ sơ quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua nội dung phương án mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

c) Phương án mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ và trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(ii) Thông tin của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Lý do mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(iv) Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động, việc đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ và tại thời điểm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(v) Quyền lợi, nghĩa vụ của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);

(vi) Giá chuyển nhượng, thời hạn, phương thức thanh toán; thời hạn bàn giao tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho chủ sở hữu mới;

(vii) Trách nhiệm của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng đối với chi phí phát sinh trong quá trình chuyển nhượng;

(viii) Các phương án xử lý trong trường hợp bên tham gia mua bán, chuyển nhượng đơn phương hủy bỏ thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng;

(ix) Dự kiến về sơ đồ tổ chức, nhân sự, mạng lưới hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(x) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ); các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm;

(xi) Biện pháp chuyển đổi, kết hợp hệ thống thông tin quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi mua bán, chuyển nhượng;

d) Hồ sơ của chủ sở hữu mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với chủ sở hữu thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b)¹³ Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận, các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng phải hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp. Quá thời hạn trên, nếu các bên tham gia mua bán, chuyển nhượng không thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước văn

¹³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

bản báo cáo về kết quả thực hiện kèm tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng.

5. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng được kiểm soát đặc biệt thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp, danh sách và tỷ lệ góp vốn của thành viên góp vốn trước và sau khi chuyển nhượng kèm tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.

6. Trường hợp việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp dẫn đến việc phải sửa đổi, bổ sung Giấy phép liên quan đến thời hạn hoạt động, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Hồ sơ gồm:

(i) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép và tài liệu chứng minh hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp quy định tại điểm d khoản 4 hoặc khoản 5 Điều này;

(ii) Trường hợp thay đổi thời hạn hoạt động do thay đổi chủ sở hữu, ngoài các hồ sơ quy định tại điểm a(i) khoản này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung văn bản về thời hạn hoạt động của chủ sở hữu;

b) Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Thông tin về bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, nhận chuyển nhượng cổ phần:

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

- Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ

chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(ii) Số cổ phần mua, nhận chuyển nhượng, tổng giá trị cổ phần mua, nhận chuyển nhượng theo mệnh giá;

(iii) Số cổ phần sở hữu, tổng giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua, nhận chuyển nhượng;

(iv) Ngày giao dịch dự kiến;

(v) Nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm, bao gồm cả các nghĩa vụ quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng;

(b) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng cổ phần do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

(c) Văn bản thỏa thuận, cam kết mua, nhận chuyển nhượng cổ phần giữa bên bán với bên mua, bên chuyển nhượng với bên nhận chuyển nhượng;

(d)¹⁴ Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi);

đ) Báo cáo về dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của bên mua, nhận chuyển nhượng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng;

¹⁴ Tiêu đề tại điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

e) Bảng kê khai người có liên quan của bên mua, nhận chuyển nhượng theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Bảng kê khai sổ thuế đã nộp của bên mua, nhận chuyển nhượng trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

h) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của bên mua, nhận chuyển nhượng (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức Việt Nam);

i)¹⁵ Báo cáo tài chính của bên mua, nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc doanh nghiệp đã niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam). Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung:

- Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng giao dịch;

¹⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

- Lý do của việc tạm ngừng giao dịch;
- Các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng giao dịch đến quyền và lợi ích của khách hàng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc tạm ngừng giao dịch.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng giao dịch, tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 Thông tư này

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung:

- Lý do, sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Giấy phép;
- Các giải pháp dự kiến liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép;

c) Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép, các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trình Thống đốc xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép;

c) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong quá trình hoạt động

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Ngoài các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thay đổi các thông tin thuộc nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp mà chưa cập nhật thông tin trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) để gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN¹⁶

¹⁶ Điều 59 và Điều 60 của Thông tư số 11/2026/TT-NHNN phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin tín dụng và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026, quy định như sau:

“Điều 59. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 5 năm 2026, trừ khoản 3 Điều này.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm c, d và đ khoản 2 Điều 1 và điểm b, c, d, đ và e khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư số 12/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Điều 3 Thông tư số 24/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2024/TT-NHNN quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

c) Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2024/TT-NHNN quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

d) Khoản 2 Điều 5, Điều 10, khoản 1 Điều 11, Điều 12 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Thực hiện quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi và sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của thông tin cung cấp tại hồ sơ.

2. Bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trong thời hạn tối đa 45 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn trên, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực không xem xét đề nghị chấp thuận thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và công bố thông tin theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định tại Thông tư này.

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/02/2026.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau:

a) Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Điều 2 Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy;

đ) Điều 35 Thông tư số 69/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

3. Các quy định về Phiếu lý lịch tư pháp có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.

4. Đối với các hồ sơ đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 60. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty thông tin tín dụng chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.”

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đó được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2024./.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2025/TT-NHNN ngày 23/12/2025 của
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thông tin người kê khai**2. Người có liên quan**

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Tham gia góp vốn	
			Tên tổ chức tín dụng	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nguyễn Văn A	Người khai		
2	Nguyễn Thị B	Vợ		
3	Công ty X			
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người kê khai (6)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số căn cước hoặc số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).

- Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; nơi ở hiện tại.

- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;

- Địa chỉ;

- Sổ Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (2): Liệt kê người khai và tất cả người có liên quan của người khai là cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, “Người có liên quan” tham chiếu theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.3. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.4. Đối với phần kê khai tại (6): Nếu là tổ chức, người ký tên người kê khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu./.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: /VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3.

Đoàn Thái Sơn